

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, chị Bùi Thị P (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 30 tháng 6 năm 2004. Chị P và anh Đ sau khi cưới về sinh sống tại Thôn A, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng cho đến nay. Quá trình chung sống đến năm 2009 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi lẫn nhau, thiếu tôn trọng với nhau. Anh Đ thường hay uống rượu say đánh đuổi chị đi khỏi nhà nhiều lần. Mâu thuẫn ngày càng trở nên sâu sắc, trầm trọng. Nên đến cuối năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân tới nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần, nay chị P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ có 03 con chung tên Lê Thị Lan H sinh ngày 24 tháng 12 năm 2004, Lê Thị Hà A sinh ngày 22 tháng 7 năm 2009 và Lê Khánh D sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung tên Lê Thị Hà A và Lê Khánh D và đồng ý giao con Lê Thị Lan H cho anh Đ nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P trình bày chị và anh Đ có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chị Bùi Thị P đã nộp cho Tòa án: Giấy kết hôn số 44 ngày 30 tháng 6 năm 2004; Bản sao: Sổ hộ khẩu của anh Lê Văn Đ và của chị Bùi Thị P; Giấy khai sinh của 03 con chung; Chứng minh nhân dân và Văn bản xác nhận 06 tháng lương liền kề của Công ty TNHH KOKUYO Việt Nam để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Lê Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 292/TB-TA ngày 16/7/2018 và đã tham gia phiên họp nhưng không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Bùi Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2018 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, bị đơn là anh Lê Văn Đ trình bày: Về hôn nhân anh và chị P kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng và sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại xã D.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn do chính bản thân anh vì anh có nhiều lần uống rượu say có hành vi đánh chửi chị P. Do mâu thuẫn nên chị P đã tự bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với chị P. Về con chung, quá trình chung sống anh và chị P có 03 con chung như chị P trình bày. Trường hợp phải ly hôn, anh mong muốn được nhận nuôi cả 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị để anh và chị P tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh và chị P có tài sản chung và đề nghị để anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2018 thể hiện quá trình kết hôn, chung sống, quá trình mâu thuẫn, ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, sâu sắc không thể hàn gắn tình cảm, hòa giải đoàn tụ được và về con chung như chị P và anh Đ đã trình bày.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Bùi Thị P về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Đ cũng thừa nhận nên đó là sự thật và thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị P và anh Đ thừa nhận có và không yêu cầu nên không đặt vấn đề phải chứng minh. Chị P và anh Đ đã có lời khai của mình thể hiện các quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải quyết cho chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ được ly hôn. Về con chung chị P và anh Đ có 03 con chung tên Lê Thị Lan H sinh ngày 24 tháng 12 năm 2004; Lê Thị Hà A sinh ngày 22 tháng 7 năm 2009 và Lê Khánh D sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013. Con chung Lê Thị Lan H có nguyện vọng được ở với anh Đ và đang

được ở ổn định với bố đẻ, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Lan H và đề nghị xử giao cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Hà A và Lê Khánh D. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P và anh Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung chị P và anh Đ trình bày có tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Bùi Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị P và anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ được xác lập vào năm 2004 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, đánh chửi nhau, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị Bùi Thị P xin ly hôn với anh Lê Văn Đ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị P với anh Lê Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ có 03 con chung tên Lê Thị Lan H sinh ngày 24 tháng 12 năm 2004, Lê Thị Hà A sinh ngày 22 tháng 7 năm 2009 và Lê Khánh D sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013. Trường hợp ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng nhận nuôi cả 03 con chung. Quá trình điều tra xác minh cả hai bên đều có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung.

Tuy nhiên đến thời điểm tại phiên tòa chị P cung cấp Văn bản xác nhận 06 tháng lương liền kề của Công ty TNHH KOKUYO Việt Nam để chứng minh công việc thu nhập ổn định và nơi cư trú ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng cho các con chung và đồng ý giao con chung Lê Thị Lan H cho anh Đ nuôi theo nguyện vọng của cháu Hương và tại trụ sở Tòa án cháu Lê Thị Hà A có lời khai thể hiện nguyện vọng được ở với chị P khi ly hôn, con chung Lê Khánh D sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013 còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Lê Thị Hà A và Lê Khánh D cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Thị Lan H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị P và anh Đ tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ trình bày có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Lê Thị Hà A sinh ngày 22 tháng 7 năm 2009 và Lê Khánh D sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013 cho chị Bùi Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Thị Lan H sinh ngày 24 tháng 12 năm 2004 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn,

người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ trình bày để anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị P và anh Lê Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008908 ngày 23 tháng 4 năm 2018; Chị Bùi Thị P đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị P, anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Vân